

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22-9-2022

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiu và ông Chu Quang Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2022/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989

ĐKHKTT: thôn X, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 1985;

Nơi ĐKHKTT: thôn M, xã Đ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

-Người làm chứng:

+ Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1967;

ĐKHKTT: thôn X, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

+ Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1974;

Đều trú tại: thôn M, xã Đ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Anh H có mặt, chị A, ông H, bà Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

+ Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Phương A kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Tứ Kỳ ngày 06/11/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian khoảng hơn 02 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp

nhau trong cách sống, sinh hoạt; Bên cạnh đó chị A mãi chơi, thiếu trách nhiệm, không biết lo toan, vun vén công việc gia đình, bỏ bê con đi chơi và nợ nần, từ đó mà vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, to tiếng, mặc dù hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều nhưng chị A vẫn không thay đổi. Khoảng tháng 12/2021, chị A tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn M, xã Đ, ở đó một thời gian thì chị A tiếp tục bỏ đi làm ăn tự do, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị A để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 23/08/2020 hiện đang ở với anh. Anh xin nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh làm cho xưởng in tư nhân, thu nhập trung bình khoảng 08 triệu đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản, tài liệu cho bị đơn và nhiều lần triệu tập bị đơn đến làm việc tham gia hòa giải thông qua đại diện gia đình là bố mẹ chị A, nhưng chị A không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh H.

+ Kết quả làm việc với ông Nguyễn Quang H (bố đẻ chị A) xác định: Chị A, anh H được tự do tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống ở nhà anh H, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Theo ông nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, bất đồng quan điểm, từ đó mà anh H có đánh chị A. Cuối năm 2021 đầu năm 2022, chị A bỏ về nhà ông ở. Ông có hỏi nguyên nhân thì chị A chỉ nói không muốn sống với anh H nữa, gắng hỏi thì chị A nói nhiều bị anh H đánh. Ông có khuyên bảo vợ chồng nên xem xét lại ai sai thì sửa nhưng chị A cương quyết không quay về đoàn tụ. Chị A ở nhà ông được khoảng hơn 02 tháng thì đi làm ăn tự do ở ngoài và chỉ liên lạc với người nhà. Vừa qua, khi Tòa án giao các văn bản tố tụng, thông qua mạng xã hội ông có thông tin cho chị A biết về việc anh H xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung, chị A có quan điểm anh H muốn ly hôn thì cứ làm một phía, chị không về. Là bậc cha mẹ ai cũng muốn các con mình hạnh phúc, tuy nhiên anh chị có ở được với nhau hay không thì do anh chị ấy tự quyết định. Vợ chồng chị A, anh H có 01 con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 23/08/2020 hiện đang ở với anh H. Do chị A không có nhà nên đề nghị Tòa án giao con chung cho anh H nuôi dưỡng.

+ Kết quả làm việc với đại diện UBND xã và các đoàn thể xã H, trưởng thôn X đều cung cấp: chị A, anh H được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại địa phương cùng bố mẹ anh H, quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể là gì thì địa phương không nắm được do anh chị không báo cáo nên chính quyền địa phương không biết để hòa giải. Chỉ biết cuối năm 2021 chị A bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn M, xã Đ sinh sống, vợ chồng không đoàn tụ với nhau nữa. Nay, anh H xin ly hôn chị A và yêu cầu giải quyết

về con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật; Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 23/08/2020 hiện đang ở với anh H, anh H có nhà riêng để hai bố con sinh sống, hiện anh H làm công việc in ấn tư nhân, thu nhập bình quân khoảng 9 triệu đồng/tháng. Do chị A không có nhà nên đề nghị Tòa án xem xét giao con chung cho anh H nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho cháu.

+ Kết quả làm việc với đại diện UBND xã và các đoàn thể xã Đ, đại diện thôn M đều cung cấp: chị A, anh H được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại địa phương cùng bố mẹ anh H ở thôn X, xã H, quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể là gì thì địa phương không nắm được vì anh chị sinh sống ở xã khác. Chỉ biết cuối năm 2021 chị A bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn M, xã Đ sinh sống, không quay lại chung sống cùng anh H nữa. Nay, anh H xin ly hôn chị A và yêu cầu giải quyết về con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật; Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 23/08/2020 hiện đang ở với anh H, do chị A không có nhà nên đề nghị Tòa án xem xét giao con chung cho anh H nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho cháu.

Ngày 12/9/2022, Cục quản lý xuất nhập cảnh của Bộ Công an xác nhận chị Nguyễn Thị Phương A không có thông tin cấp hộ chiếu và không xuất cảnh.

Tại phiên tòa, anh H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị Phương A; Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Gia H, sinh ngày 23/08/2020 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Chị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Chị Nguyễn Thị Phương A được Tòa án triệu tập đến tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị A.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và Chị Nguyễn Thị Phương A kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Tứ Kỳ ngày 06/11/2018 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc, hoà thuận được khoảng hơn 02 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, vợ chồng bất đồng quan điểm. Theo anh H trình bày, chị A mãi chơi thiếu trách nhiệm, không biết lo toan, vun vén công việc gia đình, bỏ bê con đi chơi, từ đó mà vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, to tiếng, mặc dù hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều nhưng chị A vẫn không thay đổi. Theo ông H bố đẻ chị A xác định khi chị A bỏ về có kể với ông bị anh H đánh nhiều lần và không thể chung sống với anh H được nữa. Từ cuối năm 2021, chị A đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và sau đó đi làm ăn tự do nay đây mai đó, vợ chồng không đoàn tụ với nhau. Căn cứ vào các tài liệu Toà án thu thập được xác định chị A hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, hiện đi làm ăn tự do. Anh H đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn tại thời điểm khởi kiện và đã được UBND xã H xác nhận được coi là đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên khi chị A đi làm ăn nơi khác gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng nhưng không thông báo cho anh H biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự được coi là cố tình giấu địa chỉ, gây khó khăn cho anh H trong việc ly hôn. Từ khi Toà án thụ lý vụ án đến nay, mặc dù chị A biết Toà án đang giải quyết vụ án ly hôn theo yêu cầu của anh H nhưng chị A cũng không về Toà án để làm việc, tham gia hoà giải theo các văn bản đã được Toà án giao cho người thân và niêm yết tại các địa phương, tại phiên tòa anh H vẫn cương quyết ly hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa anh H, chị A đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh H được ly hôn chị A là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 23/08/2020 hiện đang ở với anh H, anh đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của anh H thấy rằng: Mặc dù cháu Gia H chưa được 36 tháng tuổi, tuy nhiên cháu đã ở với anh H từ khi chị A về nhà bố mẹ đẻ đến nay, đang có cuộc sống ổn định, hiện chị A không có mặt ở địa phương. Anh H hiện đang làm cho công ty tư nhân, với mức thu nhập trung bình khoảng 08 triệu đồng/tháng, có nhà ở để bố con sinh hoạt, thuộc trường hợp đủ điều kiện nuôi con. Chị A đã được triệu tập nhiều lần nhưng không đến Toà án để làm việc, quan điểm của UBND xã H và UBND xã Đ cũng đại diện các đoàn thể, bố đẻ chị A đều có quan điểm do chị A không có mặt ở nhà nên đề nghị Toà án giao các con chung cho anh H nuôi dưỡng. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển của con chung, cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Gia H cho anh H nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu

cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Chị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh H không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Văn H khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị Phương A.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Gia H, sinh ngày 23/08/2020 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), hiện cháu H đang ở với anh H. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H về việc không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Chị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai số AA/2018/0004486 ngày 20/5/2022.

4. Về quyền kháng cáo: Anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, chị A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã H, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Quân